

## **HÀ NỘI NHÌN TỪ CHÂU BẢN: PHỐI CẢNH NHIỀU NGUỒN SỬ LIỆU VIỆT NAM**

(Tiếp theo kì trước)

VIỆT ANH

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

### **PHẦN 2. VẤN ĐỀ NGƯỜI TRUNG QUỐC : ĐỐI NGOẠI VÀ ĐỐI NỘI**

**Ở** trong nhiều địa phương trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nhất là tại những tỉnh thành thuận lợi cho việc thương mại, hiếm khi vắng bóng người Trung Quốc. Châu bản triều Nguyễn hiện còn lưu trữ không ít văn bản về Hà Nội với vai trò thủ phủ của Bắc Kỳ - nơi chứng kiến và diễn ra nhiều động thái liên quan tới người Trung Quốc thời nhà Thanh. Không thể không nhìn nhận một vấn đề nổi bật của Nam triều là vấn đề người Hoa làm ăn và cư trú trên lãnh địa nước Nam nói chung, trên phần đất của Hà Nội nói riêng. Các bang hội luôn luôn là đặc điểm có tính bản sắc của người Trung Quốc, kéo theo thói quen cố định các dinh cơ (thường là quy mô từ khang trang tới nguy nga) của cộng đồng người Hoa. Có truyền thống và kỹ năng thương mại, người Hoa thường nhanh chóng và sâu rộng thiết lập các mạng lưới buôn bán từ nơi họ cư trú. Hà Nội từ nhiều thế kỉ đã không còn xa lạ với những phố, phường của người Hoa. Đương nhiên, việc làm ăn không tránh khỏi mâu thuẫn, đối đầu về lợi ích, và điều này không chỉ xảy ra giữa giới thương nhân người Hoa với người Việt, người ngoại quốc khác; nhiều khi cạnh tranh nổ ra ngay trong nội bộ người Hoa với nhau. Những mối mâu thuẫn như vậy diễn ra trên địa bàn Hà Nội, được ghi nhận trong Châu bản, càng chứng tỏ vị trí địa - chính trị bất biến của cố đô Thăng Long.

Đời vua Minh Mệnh, quan chức tỉnh Hà Nội phối hợp với tỉnh Nam Định từng phái nhân lực đi theo trợ giúp, giám sát và lãnh trách nhiệm tổng tiền tàu buôn của thương gia

người Hoa là Lý Nghĩa Thành ra khỏi cửa biển thuộc hải phận nước Nam. Đây là một tàu buôn do gặp sóng gió gây vỡ thuyền, trôi dạt tới địa phận tỉnh Nam; chính quyền các tỉnh hữu quan đã tra xét tường tận, tâu báo cụ thể với bề trên, cho phép thương nhân này được giám sát và đưa về Hà Nội, giao cho bang hội của họ cai quản để chờ dịp trở về Thanh quốc (*Châu bản triều Minh Mệnh - 1840, tập 77, tờ 81-82*). Từ một trường hợp Châu bản này có thể nhận thấy những khía cạnh về việc người Hoa được quản lí chặt chẽ với những hội đoàn của họ trên đất Hà Nội, về dòng buôn bán giữa Nam Định - Hà Nội và các địa phương khác, kèm trong đó là nhiều quy tắc, định lệ do chính quyền đặt ra. Đời vua Thiệu Trị, tỉnh Hà Nội cho phép thương gia Thanh quốc vào buôn bán có nộp thuế theo quy định, sau khi các tàu buôn của họ đã được kiểm tra từ Nam Định để khẳng định “không chở người Tây, sách Tây, cũng không có nha phiến cùng các vật cấm”<sup>1</sup> (*Châu bản triều Thiệu Trị - 1841, tập 13, tờ 68-69; Châu bản triều Thiệu Trị - 1845, tập 30, tờ 340; Châu bản triều Thiệu Trị - 1846, tập 34, tờ 98-99, ...*). Trong khoảng những năm trị vì của Minh Mệnh - Thiệu Trị, khi thế lực của người phương Tây chưa đủ mặc sức hoành hành trên lãnh thổ nước Nam, việc ngăn chặn các yếu tố phương tây đã hiện diện trong châu bản như là pháp lệnh như thế.

Từ đời vua Tự Đức trở về sau, trong Châu bản phản ánh những khía cạnh đa dạng, phức tạp hơn về mối liên quan giữa người Hoa - việc thương mại của người Hoa - các vấn đề

## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

xã hội của người Hoa trên địa bàn Hà Nội. Thương nhân Trung Quốc để được vào làm ăn ở Hà Nội, theo quy định, cần phải gánh trách nhiệm nhận tiền từ công quỹ nước Nam để tìm mua và giao nộp cho chính quyền sở tại một số loại hàng hóa theo yêu cầu, trong thời hạn quy định. Hàng hóa được đặt hàng cho thương nhân Trung Quốc tìm mua thường là đặc sản phương xa, vật phẩm có giá trị mà quốc nội nước Nam không sản xuất được. Việc hoàn thành trọn vẹn trách nhiệm này của nhà buôn người Hoa là tiền đề để quan chức Nam triều cân nhắc và để đạt giảm thuế thương mại cho thương khách đó (*Châu bản triều Tự Đức – 1851, tập 22, tờ 111-112; Châu bản triều Tự Đức – 1851, tập 26, tờ 28-29*). Việc cân nhắc để đôi bên cùng có lợi và khích lệ ngoại nhân tích cực phát triển buôn bán, làm lợi cho tỉnh thành là cần thiết. Tuy nhiên, ở vị trí chủ quản nền hành chính của một tỉnh thành quan trọng ở xứ Bắc, quan chức Hà Nội và triều đình nhà Nguyễn không lơ là trọng trách giữ an ninh của tỉnh Hà Nội trước sự xâm nhập từ nhiều hướng của Hoa kiều. Lý Hoán Ký là một thương nhân Trung Quốc có nhiều hoạt động kinh doanh dịch vụ đa dạng ở phố Thanh Hà, huyện Thọ Xương (phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội) đã nhiều năm, xin được tự bỏ tiền dựng một dãy nhà ngói trong thành [Huế] để việc buôn bán được lưu thông. Triều đình Huế đã căn cứ trên những tâu báo của quan chức Hà Nội về lịch trình thương mại của viên thương nhân này, trong đó có cả “vết đen” nhận tiền công để mua hàng công cho Nam triều nhưng đến nay vẫn còn nợ ngân sách công, để làm cơ sở Châu phê không chuẩn y cho kẻ đó được mở dinh cơ buôn bán trong thành [Huế] (*Châu bản triều Tự Đức – 1857, tập 73, tờ 219-225*). Mặc dù, người Hoa hiện diện khá nhiều trên địa bàn Hà Nội, Nam triều vẫn quyết định chọn người Việt thạo tiếng Hoa làm thông ngôn để theo thuyền sang Hương Cảng thực thi công vụ. Một người Việt nguyên quán thôn Quan Nhân, huyện Thanh Trì thường trú tại phủ Thừa Thiên đã được tin tưởng trao cho trách nhiệm này (*Châu bản triều Tự Đức – 1870, tập 211, tờ 237-238*).

Sự hiện diện và tích cực làm ăn của giới

thương nhân người Hoa khiến dấu ấn của họ ngày thêm rõ nét trong nhiều vấn đề xã hội của Hà Nội. Chủ trương khuyến khích khách buôn Trung Quốc tham gia quyên góp vào ngân sách từng được bàn bạc trong hội họp giữa quan chức nhà Nguyễn và nhà Thanh. Trên thực tế, mặc dù số lượng nhà buôn Hoa kiều trên địa bàn Hà Nội không ít, ngân khoản quyên góp từ họ chỉ được 50 lượng bạc trong khoảng một tháng, quá ít so với kỳ vọng (*Châu bản triều Tự Đức – 1869, tập 203, tờ 146-147*). Có khi chỉ là một vụ việc mất trộm xảy ra trong dinh cơ của nhà buôn gốc Minh hương ở phố Hàng Buồm do người Việt vốn là đầy tớ ở đó gây ra (*Châu bản triều Tự Đức – 1848, tập 5, tờ 92-97*) mà Tổng đốc Hà - Ninh phải dâng tâu. Có khi là việc xét xử vụ án người nước Thanh có vũ khí cướp của trong địa bàn Hà Nội, mà trong số nạn nhân bị cướp cũng có người gốc Trung Quốc. Vụ này, Bộ Hình phải dâng tâu lên trên. Các sự vụ dù lớn dù nhỏ chứng minh: sự tồn tại của cộng đồng người Hoa phái sinh trong lòng Hà Nội, trong lòng nước Nam không dễ để định danh là việc ngoại giao hay vấn đề nội chính.

Mức độ liên quan nhân tố Trung Quốc càng nghiêm trọng hơn khi các đương sự mang tư cách quan chức của nước Đại Nam nhà Nguyễn và nước Đại Thanh. Tháng Ba dương lịch năm 1870, trong bối cảnh nền chính trị nước Nam và dân chúng Bắc Kỳ phải đương đầu với nhiều biến loạn bởi các cánh loạn quân từ Trung Quốc chạy sang hoành hành, thì ở tỉnh thành Hà Nội xảy ra sự vụ mâu thuẫn giữa quan chức huyện Thọ Xương với phái viên của Đề đốc Quảng Tây (Trung Quốc) là Phùng Tử Tài. Các châu bản liên quan vụ việc chỉ cho thấy sắc thái nghiêm trọng mà triều Nguyễn bày tỏ cùng với các hình phạt nghiêm khắc dành cho quan chức của tỉnh, huyện Hà Nội có liên quan (*Châu bản triều Tự Đức – 1870, tập 212, tờ 102-105; Châu bản triều Tự Đức – 1870, tập 214, tờ 18-19,...*). *Đại Nam thực lục Chính biên* cho biết cụ thể hơn: một phái viên của Đề đốc Quảng Tây đến phố Hà Nội, bị mất trộm. Quan chức hữu trách khi ấy là huyện Thọ Xương tra xét chưa có kết quả thì phái viên nhà Thanh kia đã xông vào huyện nha sách nhiễu, khẩu chiến với viên chức công

## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

sở. Khi bị trôi lại, phái viên này tự gây thương tích, vu họa cho công đường Thọ Xương, kêu người chạy đi kêu cứu với Đề đốc Phùng Tử Tài. Vụ việc được hai bên cùng báo lên trên: tỉnh Hà Nội hết lòng bênh vực Tri huyện Thọ Xương là Đàm Thận Lễ cùng các huyện viên. Đề đốc Quảng Tây (Trung Quốc) trích thượng đòi triều Nguyễn phải xử nghiêm cấp dưới của Nam triều, dọa sẽ thông báo về Quảng Tây là bị Nam triều bạc đãi. Vua Tự Đức đã phải viện lễ người Thanh dẹp giặc giúp ta, phạm việc không quan ngại lắm thì nên miễn cưỡng xử trí ôn hòa cho dân được chóng yên và êm xuôi mọi việc. Kết quả, Tri huyện huyện Thọ Xương phải tội trọng, đày; Bố chánh Hà Nội, Lãnh binh Hà Nội đều bị giáng bậc, lưu chức; đồ đạc mà phái viên của Đề đốc Quảng Tây bị mất được đền trả bằng việc lập tức xuất của công, sau đó quy cho Tri huyện và huyện viên liên quan của huyện Thọ Xương phải bồi thường. Xem ra, là quan chức ở nơi trọng địa cần có bản lĩnh cứng cỏi và không ngại gánh chịu hậu quả bất công như thế.

### *Những vấn đề nội chính Hà Nội trong thể chế quân chủ - thuộc địa*

Trách nhiệm nặng nề và kỳ vọng lớn lao của người đứng đầu quốc gia luôn luôn được gửi gắm trực tiếp xuống hàng quan chức kề cận và những quan viên đứng đầu các địa phương trọng yếu. Mặc cho những dèm pha ngày một tăng về tính chất trọng quyền chức hư danh trong truyền thống, tài liệu Châu bản cho thấy trong một số trường hợp, trách nhiệm của quan chức được xử lý rành mạch. Người con trai của viên chức lãnh Đốc thân Hà Nội từng sách nhiễu để thụ hưởng của cải từ các viên trung thu thuế các tỉnh; vụ việc bị phát giác, được đánh giá là nghiêm trọng và giao cho quan chức đầu tỉnh Hà Nội điều tra kỹ càng để tâu trình minh bạch, ngõ hầu xét xử đúng người đúng tội (*Châu bản triều Tự Đức - 1857, tập 74, tờ 224-226*). Tri phủ phủ Hoài Đức đã bị giáng một cấp lưu nhiệm vì trong nhiệm kỳ đề xây ra nhiều lần kêu kiện của dân (*Châu bản triều Thành Thái - 1895, tập 24, tờ 118-119*).

Nhiều vấn đề nội chính này sinh trong địa phận Hà Nội nói riêng, Bắc Kỳ nói rộng hơn,

trở thành mối quan tâm đáng kể của Nam triều và người Pháp trước và sau khi chế độ thuộc địa được áp đặt lên lãnh thổ nước Nam. Cần nói rõ, sự phân định khái niệm đối ngoại - đối nội chỉ là tương đối trong bối cảnh nước Nam triều Nguyễn trải một thế kỷ rưỡi dần dà chấp nhận sức mạnh Âu Tây ở mức độ ngày thêm tăng tiến.

Người Pháp trong thời đại trị vì của các vua nhà Nguyễn đã mau chóng giảm dần vị thế chiếu dưới của người từ phương xa cầu yết kiến chủ nhà. Mặc cho các cuộc diệt đạo trước tiên nhắm vào các nhà truyền giáo đồng thời là các nhà chính trị từng diễn ra, người Pháp dần dần đặt chân vững chãi và lâu dài trên lãnh thổ Đại Nam. Như thế, nhiều khi việc đối ngoại diễn ra ngay trong lòng nước Việt, và tất nhiên, việc đối nội ngày càng trở nên quá hình thức kể từ khi Việt Nam được chia làm ba kỳ Bắc-Trung-Nam với thể chế đặc biệt thuộc địa của Nam Kỳ. Trong thể chế Nam Kỳ thuộc Pháp, người dân Nam Kỳ được chính thức coi như công dân Pháp quốc dù chỉ phần nào trên phương diện lý thuyết. Ở bối cảnh đó, Nam triều không thể toàn quyền tác động tới bất kỳ người dân Nam Kỳ dù họ mang trong mình hoàn toàn dòng máu Việt. Có thể nói, đây là một trong những trường hợp tiêu biểu đột ngột xuất hiện trong lịch sử quân chủ Việt Nam, khiến các nguyên thủ quốc gia gặp nhiều khó khăn để có thể chọn lựa quyết sách.

Thiên chúa giáo với sức mạnh riêng có của mình là một trong những nhân tố mới nhanh chóng bắt rễ sâu rộng vào văn hóa nước Nam đương thời. Trong hàng trăm, thậm chí hàng ngàn văn kiện hành chính các cấp trực thuộc tỉnh thành Hà Nội, có thể tìm thấy mọi sắc thái, diễn biến của tôn giáo này qua từng triều vua Nguyễn. Các cuộc diệt đạo do chủ trương vĩ mô, những xu hướng ngầm ủng hộ Thiên chúa giáo từ những nhân vật hoàng thân quốc thích, những phong trào công khai theo đạo của dân thường trong nhiều địa phương, một vài sự kiện đã theo đạo lại bỏ đạo trong dân, ... đều được chứng minh trong sử liệu, mà tư liệu lưu trữ là một nguồn đáng kể. Về phần mình, châu bản liên quan Hà Nội thời Tự Đức cho thấy quan điểm châu đáo của người làm vua trong bối cảnh khó khăn giao thoa tân-cổ

này. Thượng dụ của Hoàng đế Tự Đức được các đại thần Cơ Mật viện kinh cần ban truyền:

*Trước đây hỗn tình Hà, Ninh, Đông, Nam (Hà Nội, Ninh Bình, Hải Dương, Nam Định) bị người Pháp chiếm cứ, dân theo đạo có kẻ nhân theo đó hùa nhận chức sắc do bọn nguy đặt ra, có kẻ còn làm côn đồ cướp bóc. Dân lương ai nấy đều căm hận đợi lúc đốt giết. Nay đặc ban chỉ thị: Người (theo đạo) nào đã phạm vào điều cấm, đều chuẩn không được tra hỏi, cho họ về quê làm ăn sinh sống. Dân lương và dân giáo phải tự bỏ hiểm thù, không câu nệ là đạo hay lương chỉ cốt làm sao sinh sống đầm ấm yên vui.*

*(Châu bản triều Tự Đức - 1873, tập 156, tờ 97)*

Trong khi cần có biện pháp đối phó với nhiều nhân tố từ bên ngoài đã bắt rễ và phát triển trong lòng Hà Nội, chính quyền đồng thời phải đối mặt với không ít di sản có tính tích cực hoặc tiêu cực từ trong truyền thống văn hóa. Kèm theo đó là những giải pháp không phải lúc nào cũng hợp lí. Đề tuyệt giao với một dĩ vãng đối đầu, dưới triều vua Minh Mệnh, đã có chỉ thị đổi tên miếu Trấn Vũ quán ở Hà Nội thành *Chân Vũ quán* và cho xóa bỏ các tấm bia, biển đề thơ do họ Trịnh làm trước đây trên địa bàn Hà Nội cũng như trong nhiều địa phương khác (*Châu bản triều Minh Mệnh - 1841, tập 78, tờ 10*). Nạn sử dụng và lưu hành ấn triện giả với nội dung Sắc mệnh chi bảo 救命之寶 trong những năm vua Tự Đức trị vì (*Châu bản triều Tự Đức - 1857, tập 56, tờ 10*), việc xử lí sự tồn tại trôi nổi của những đạo thần sắc cổ vốn thuộc về một di tích xác định đã đổ nát (*Châu bản triều Bảo Đại - 1931, tập 12, tờ 71*), việc ban cấp sắc văn tôn thờ thần linh theo nguyện vọng của dân địa phương (*Châu bản triều Bảo Đại - 1932, tập 14, tờ 33-34*), ... phần nào thể hiện mức độ phức tạp của tín ngưỡng thần linh, tín ngưỡng quyền lực in dấu sâu đậm trong dân.

Để thực thi nền hành chính thỏa mãn yêu cầu của người cầm quyền đồng thời đáp ứng được trông chờ của dân, trong hoàn cảnh đương thời, không thể không nhìn nhận những nỗ lực nhiều khi không thể liên tục của người làm vua.

Bản Phụng Thượng dụ của Bộ Lại đời vua Thiệu Trị về việc Hoàng đế đích thân xem xét đơn tố cáo trong dân nhân dịp Bắc tuần Hà Nội là một trường hợp đáng kể và tiêu biểu (*Châu bản triều Thiệu Trị - 1842, tập 21, tờ 138-139*). Thái độ thận trọng trong các công vụ xét án, định án được tỏ rõ qua nhiều sự vụ được chép lại trong tư liệu. Tội cướp của, chủ mưu giết người, hữu ý hoặc vô tình đồng lõa giết người, ... được cân nhắc, phân loại làm cơ sở để phán án (*Châu bản triều Tự Đức - 1848, tập 6, tờ 233-238, ...*)

Theo đà điện định quyền lực của người Pháp trên lãnh thổ Việt Nam, hình bóng của nền tư pháp Âu châu cũng như dấu ấn đa dạng về kinh tế-xã hội phương Tây cũng dần dần tác động ngày một rõ nét trong nền nội chính nước Nam. Những công trình xây dựng đại quy mô được khởi công và định hình từ khi chế độ thuộc Pháp trở nên chính thức, nhất là vào những giai đoạn điều hành của quan chức Toàn quyền Đông Dương có chủ trương rõ rệt về việc tạo dấu ấn vật chất làm lợi thực thụ cho cả người Pháp và người dân xứ Nam này. Đường nhựa được khởi công mở rộng thành 8 thước tây, chạy dài từ tỉnh Hà Nội tới châu Bảo Thắng (tỉnh Lao Kay) (*Châu bản triều Thành Thái - 1897, tập 31, tờ 1-2*), cây cầu thép Doumer (tức cầu Long Biên) và đường xe lửa nối đôi bờ sông Hồng ở mạn bắc thành Hà Nội được khánh thành với sự kết hợp tri thức và tâm sức Pháp-Việt (*Châu bản triều Thành Thái - 1901, RST*) là những sự kiện tiêu biểu có thể nói không tiền khoáng hậu trong lịch sử quân chủ ở Việt Nam. Nhờ có kiến thức và kĩ thuật cơ giới từ phương Tây, Hà Nội là một nơi không nhiều trên lãnh thổ nước Nam được hưởng thành tựu mới từ những năm đầu tiên của thế kỉ XX.

Ở vị thế Hoàng đế quân chủ, các vua nhà Nguyễn dường như phải biết, phải nghe và phải giải quyết hết thảy mọi việc từ nhỏ tới lớn, từ chiến lược đương đầu với đại quốc cho tới việc quyết định duyệt kinh phí đặt mua một bộ sách nào đó... Sự vất vả phải ôm đồm trách nhiệm bởi đặc thù của thiết chế hành chính lâu đời được chứng minh sống động qua Châu bản. Có vẻ như một điều nổi bật từ trong châu bản phải là: trong nền hành chính quân chủ tập trung ấy,

## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

thật hi hữu và may mắn cho ông vua nước Nam nào đó có thể hoàn thành trọn vẹn và tốt đẹp trọng trách của người ở ngôi cửu ngũ.

Trong triều đã vậy.

Ngoài nội, xã hội không yên với những xu hướng, những phong trào và những nhân vật chống đối nhà cầm quyền, phản kháng đường lối thỏa hiệp của Nam triều, phản đối sự can thiệp của người Pháp vào Việt Nam, và không thể tránh khỏi hiện tượng mượn danh nghĩa lớn lao để kiếm sống của những kẻ bất chính. Số phận con người trong môi trường sống triều miên biến loạn đã ra sao?

### **Số phận người Hà Nội trong biến động xã hội**

Chính phủ Nam triều và Pháp đã phải mất nhiều tâm lực đối phó, xử lý với những người chống đối. Sự nở rộ các phong trào người Việt chống đối chính quyền có khi cũng gây tác động nhiều chiều. Chiều dễ nhận thấy là việc gây cản trở, tạo khó khăn, thiệt hại cho tham vọng xâm chiếm lãnh thổ của người Pháp. Song nhìn từ phía người dân, các hoạt động chống chính quyền cũng gây nhiều bất an, bất ổn triều miên cho đời sống dân lành. Tư liệu từ các văn khố Toàn quyền Đông Dương (GGI), Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (RST phong cũ và phong mới) ghi nhận nhiều đơn từ bẩm báo, kêu cứu của dân lành về nạn phi cướp đột nhập cướp của, bắt người, thậm chí giết người.

Châu bản Hà Nội được đặt trong mối tương quan với nhiều nguồn tư liệu hành chính khác ngoài chính sử như công văn, báo cáo của các cấp quan chức Nam triều và đơn từ của người dân quê, cung hiến khá chi tiết các biến động trên nhiều phương diện khác nhau trong các địa phương ngoại thành Hà Nội. Có một sự hoạt động tràn lan của các lực lượng nổi lên từ địa phương chống đối nhà cầm quyền, phản kháng đường lối thỏa hiệp của Nam triều, phản đối sự can thiệp của người Pháp vào Việt Nam. Những năm 1889-1907 dưới triều vua Thành Thái, rất nhiều công văn hành chính được phát đi từ Hà Nội cho thấy gia tăng các vụ tấn công của giặc cướp trong các xã, tổng, huyện, phủ như huyện Phú Xuyên, huyện Thanh Trì, huyện Chương Mỹ, huyện

Đan Phượng, phủ Hoài Đức, phủ Thường Tín. Châu bản cũng phản ánh điều này. Trong khắp các phủ, huyện quanh thành Hà Nội, người dân lao động dù sinh sống bằng nghề nào cũng có nguy cơ gặp phải giặc cướp và chịu tổn thất nhiều bề. Tai họa do những người chống đối gây ra giáng xuống đầu người dân bất cứ lúc nào: khi đi làm đồng giữa ban ngày, lúc nhà cửa neo người, trong đêm vắng vẻ... Đã xảy ra rất nhiều vụ tấn công của các lực lượng chống đối mà nạn nhân là người làm ruộng. Hầu như dân các xã thuộc các huyện Từ Liêm, Phú Xuyên, Thanh Trì, Chương Mỹ đều gặp phải giặc cướp. Hậu quả mà người dân thường trong các làng xã phải gánh chịu là mất đồ vật, mất tiền bạc, đặc biệt là bị cướp trâu – phương tiện sản xuất chủ yếu của người nông dân Bắc bộ và thân nhân bị sát hại. Những toán cướp thường đi theo nhóm năm, bảy chục người, có khi tới cả trăm người, mang theo khí giới nóng (súng, pháo, ...), hoặc lạnh (dao, mã tấu...), thường bất ngờ đột nhập vào làng mạc, cướp bóc và sát thương (*Châu bản triều Minh Mệnh – 1838, tập 71, tờ 229-239; Châu bản triều Tự Đức – 1879, tập 313, tờ 248-250...*).

Trong tình thế các lực lượng chống đối hoạt động khắp nơi, việc bám sát và báo cáo từng động tĩnh trong mỗi làng xã là chức năng của các viên chức Nam triều từ cấp thấp như Lý trưởng, kỳ mục, Chánh tổng tới cấp cao hơn như Tri huyện, Tri phủ, Án sát, Bô chánh, Tổng đốc, Kinh lược sứ. Nhờ đó, diễn biến thực tế trong đời sống làng xã được phản ánh cập nhật. Tương tác nhiều nguồn tư liệu phản ánh đời sống làng xã quanh Hà Nội giai đoạn thuộc Pháp cho thấy, điều nổi lên là số phận người dân bị tác động của những biến động xã hội chưa từng có tiền lệ. Khái niệm người dân được đề cập ở đây không phân biệt là dân thường hay chức sắc làng xã, quan chức triều đình. Về bản chất, tất cả đều là dân, và may rủi không tránh né bất kì ai. Điều này được minh chứng từ những trường hợp quan chức phải gánh vác trách nhiệm trước sự an nguy của dân lành. Một số quan viên phủ Hoài Đức đã chịu hình phạt giáng cấp lưu nhiệm khi đã không thể dẹp yên được hiện tượng phi tặc hoành hành trong địa phương, và kết quả bất

## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

được một số tên trong đám giặc cướp đó là do hàng lại, lệ, chức sắc tông, lý cùng dân phu thực hiện chứ không do phủ quan điều động (*Châu bản triều Thiệu Trị - 1842, tập 21, tờ 9-10*). Bộ Hộ từng kiến nghị xem xét xử phạt quan lại đứng đầu tỉnh Hà Nội không thường xuyên kiểm tra tình hình đê điều dẫn đến đê vỡ khiến dân đói khổ, lại không kịp thời chấn cấp (*Châu bản triều Tự Đức - 1857, tập 73, tờ 32-35*). Nhìn từ thực tế khách quan, trên nền tảng một cơ sở hạ tầng kém phát triển và ngày một xuống cấp trong toàn Bắc Kỳ nói chung, có lẽ nhiều quan chức ở Hà Nội đương thời đã ở trong tình cảnh lực bất tòng tâm khi chấp sự. Nhìn từ số phận bất trắc của người dân trong một xã hội đầy bất an, cũng nên xác nhận mặt trái của xu hướng nông dân khởi nghĩa trong giai đoạn dân Nam phản kháng chế độ thuộc địa của người Pháp. Châu bản và những tư liệu lưu trữ về nền hành chính đương thời có thể là bằng chứng để đối chiếu và soi tỏ.

Số phận người dân thấp cổ bé họng, thậm chí cả họ tên của người đó được lưu lại trong Châu bản với vị thế là sử liệu hoàng gia không biết có phải nằm ngoài ý muốn của vương triều hay không; song với việc danh tính của một số người dân đen không thể tìm thấy trong chính sử, thậm chí trong thư tịch gia truyền, nhưng lại được lưu truyền trong châu bản là thêm một yếu tố đặc sắc trong tư liệu đặc quyền hoàng gia ở Việt Nam thừa cũ. Bằng sự ghi danh trong Châu bản, nhìn từ góc độ sử liệu, một số người dân đen trong xã hội xưa trở thành ngang hàng với nhiều nhân vật hoàng thân quốc thích và đại quan chức trong hệ thống hành chính, như Tổng đốc Hà Đông là Hoàng Trọng Phu được đánh giá là làm việc hết lòng khi thành Hà Nội có sự biến (*Châu bản triều Duy Tân - 1913, tập 33, tờ 38*), hay là ông hoàng Cường Để bị Hội đồng tòa án tỉnh Hà Nội xét tội mưu phản quốc, bị xóa tên khỏi tôn tịch và bắt đổi theo họ của mẹ (*các Châu bản triều Duy Tân - 1913...*)

Có giá trị của một nguồn sử liệu đáng tin cậy để nhận thức về Hà Nội thời các vua nhà Nguyễn, Châu bản đồng thời nên được nhìn nhận như là một mảnh ghép quan trọng trong bức tranh tổng quan về một tỉnh thành trọng yếu

ở xứ Bắc nói riêng, trên toàn lãnh thổ Việt Nam giai đoạn 1802-1945 nói chung. Ở đó, song hành với những vấn đề thiết yếu, vĩ mô là những khía cạnh tế vi tồn tại trong bất cứ xã hội nào có con người tham dự, như là việc có người mạo nhận quyền thi của thí sinh (*Châu bản triều Tự Đức, tập 98, tờ 199-202*), số phận người phụ nữ trong lễ thối xã hội cũ qua vụ việc con dâu uất ức vì bị mẹ chồng đánh mà tự vẫn (*Châu bản triều Minh Mệnh - 1838, tập 74, tờ 119*)...

Châu bản với vị trí là loại văn bản hành chính của hoàng gia nhà Nguyễn phản ánh các vấn đề cơ bản của quốc gia - dân tộc và phương hướng giải quyết ở tầm vĩ mô của những người điều hành chính sự quốc gia. Tuy nhiên, mọi vấn đề của quốc gia, dù lớn dù nhỏ, đều quy về số phận con người. Những biến cố, những chuyển động của thời đại khiến mỗi người dù là thường dân hay hoàng thân quốc thích, chủ tể quân vương đều không thể đứng ngoài cuộc. Sự bất an của người dân trong phường, xã Hà Nội được gây nên bởi các lực lượng chống đối nhà cầm quyền hay do công cuộc thuộc địa hóa của người Pháp cũng bất hạnh như mỗi nguy mất mạng của người làm vua nước Nam trong bối cảnh giao thời.

Có thể nói, số phận của người dân Việt trong giai đoạn Đông Dương lịch sử chính là nội dung bao trùm trong tư liệu của thời kỳ này. Châu bản Hà Nội không nằm ngoài phạm vi đó./

Chú thích:

-----  
*Bài viết được hình thành và hoàn thiện bởi sự trợ giúp tâm huyết của hai nhà lưu trữ học Đào Thị Diễm và Nguyễn Thu Hoài (Trung tâm Lưu trữ quốc gia I). Người viết xin trân trọng ghi ơn.*

1. Xem trích yếu.

Tư liệu tham khảo:

-----  
**Bản thảo:**

- Lưu trữ quốc gia Việt Nam: Trung tâm Lưu trữ số 1 (Hà Nội, Việt Nam)
- Lưu trữ hải ngoại Pháp quốc (Aix-en-Provence, Pháp)
- Tư liệu thư tịch và văn khắc Hán Nôm (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam)

**Ấn phẩm :**

- *Mục lục Châu bản triều Nguyễn* (1960), Tập thứ nhất, Triều Gia Long, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, Huế : Viện Đại học Huế.
- Nguyễn Thế Anh (1968) (2nd ed., 1970, 3rd ed. 2008), *Kinh*

lễ & xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn [Économic & société du Việt-Nam sous les rois des Nguyễn], Sài Gòn: Trình Bầy

- Nguyễn Thế Anh (1970) (2nd ed. 1974, 3rd ed. 2008), *VIỆT NAM Thời Pháp đô hộ* [Việt-Nam sous la colonisation française]. Sài Gòn : Tủ Sách Sử-Địa Học : Lửa Thiêng

- Hà Mai Phương, *Hoạt động của Bộ Công dưới đời vua Tự Đức qua các châu bản nhà Nguyễn*. Sài Gòn : Bộ Văn Hoá Giáo Dục và Thanh Niên, 1974

- *Mục lục Châu Bản triều Nguyễn* (2010), Tập 1. Gia Long (1802-1819), Minh Mệnh 1 (1820) - Minh Mệnh 5 (1824). Hà Nội : Văn hóa-Thông tin

- Fourniau Charles (1989), *Annam-Tonkin, 1885-1896: Lettrés et paysans vietnamiens face à la conquête coloniale*. Paris : L'Harmattan

- Fourniau Charles & TRỊNH Văn Tháo & alii... (1999), *Le contact colonial franco-vietnamien: le premier demi-siècle (1858-1911)*, Université de Provence

- NGUYỄN Thế Anh (2008), "Les sources pour l'histoire économique du Việt Nam au XIXe siècle", dans *Parcours d'un historien du Việt Nam*. Paris : Les Indes Savantes, tr. 929-936

- Nguyễn Thế Anh (2008), "Le rôle des Châu bản dans les recherches sur l'histoire moderne du Việt Nam", in lại trong *Parcours d'un historien du Việt Nam* Paris : Les Indes Savantes, tr.926-928

- Cao Việt Anh (2015), *Documents en caractères sino-vietnamiens aux Archives nationales d'outre-mer (France): Une source riche en vestiges de l'histoire du Việt Nam à l'époque coloniale (1875-1945)* [Tư liệu Hán Nôm trong Văn khố hải ngoại (Pháp) : Theo dấu một nguồn tư liệu phong phú về lịch sử Việt Nam giai đoạn thuộc địa]. Nghiên cứu sau tiến sĩ (FMSH-WP-2015-93.2013 <halshs-01144632>.

## TỈNH QUẢNG NGÃI...

(Tiếp theo trang 28)

... tại một số huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cho thấy: nguồn tài liệu, tư liệu quý, hiếm chưa được khảo sát, thống kê, sưu tầm, phục vụ cho việc nghiên cứu, sử dụng đang lưu giữ tản mát trong các gia đình, dòng họ và các di tích lịch sử tại tỉnh còn tương đối nhiều. Nếu không có chế độ hỗ trợ bảo quản, tu bổ, phục chế thì khối tài liệu, tư liệu này sẽ ngày càng bị hư hại và khả năng không thể phục chế là rất cao.

Vì vậy, để công tác khảo sát, thống kê, sưu tầm và phát huy giá trị tài liệu quý, hiếm tại tỉnh thu được kết quả cần có những định hướng như:

*Một là*, xây dựng Đề án sưu tầm, thu thập tài liệu quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để có cơ sở pháp lý thực hiện thống nhất; đồng thời hỗ trợ các tổ chức, gia đình, dòng họ tu bổ, phục chế và hướng dẫn bảo quản tài liệu lưu trữ quý, hiếm;

*Hai là*, cơ quan lưu trữ của tỉnh cần phối hợp với các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, Lưu trữ lịch sử các tỉnh, thành phố, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Bảo tàng tỉnh để chia sẻ thông tin, khảo sát, thống kê, lập Danh mục tài liệu lưu trữ quý, hiếm của tỉnh Quảng Ngãi qua các thời kỳ lịch sử còn đang lưu giữ trong các tổ chức, gia đình, dòng họ và các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để có hướng quản lý phù hợp tránh chông chéo, lãng phí;

*Ba là*, tiếp tục tuyên truyền, vận động, thuyết phục các tổ chức, cá nhân, gia đình, dòng họ hiến tặng, kí gửi tài liệu quý, hiếm vào lưu trữ lịch sử của tỉnh Quảng Ngãi (*bằng hình thức phát hành các tờ rơi; viết bài đăng trên các đài, báo; biểu dương, khen thưởng những tổ chức, gia đình, dòng họ có đóng góp trong công tác bảo quản, hiến tặng tài liệu quý, hiếm;...*);

*Bốn là*, tổ chức sao, chụp các tài liệu lưu trữ quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Danh mục đã khảo sát để phục vụ cho công tác quản lý và trưng bày, triển lãm tài liệu, tư liệu lưu trữ quý, hiếm tại Trung tâm Lưu trữ tỉnh Quảng Ngãi;

*Năm là*, tuyển dụng hoặc hợp đồng nhân sự có trình độ chuyên ngành Hán - Nôm và chuyên ngành Bảo tàng để thuận lợi cho việc biên dịch và trưng bày, triển lãm tài liệu lưu trữ quý, hiếm.

\*\*\*

Tài liệu lưu trữ luôn mang trong mình dấu ấn thời gian, là nguồn sử liệu gốc quý giúp cho việc nghiên cứu tìm hiểu quá khứ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội một cách chính xác nhất. Điều đó càng có ý nghĩa hơn đôi với các tài liệu lưu trữ quý, hiếm. Do vậy, việc đề ra các giải pháp và hỗ trợ các nguồn lực để tổ chức khảo sát, sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nói chung và tài liệu lưu trữ quý hiếm nói riêng luôn là việc làm hết sức cần thiết đối với các địa phương./